TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái.

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Nhất T, sinh ngày 06/8/2000 (có mặt).

Số căn cước: 094300000000, ngày cấp 00/00/2025.

Nơi ĐKTT: Khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ nơi ở: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hoàng T1, sinh ngày 17/01/2000 (có mặt).

Số căn cước: 094200000000, ngày cấp 00/00/2025.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2026, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Nhất T trình bày: Bà và ông Đặng Hoàng T1 đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2021 đã được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng có 02 người con chung là Đặng Hoàng Thiên Â, sinh ngày 20/9/2021 và Đặng Hoàng Thiên M, sinh ngày 21/10/2025. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông T1 không có trách nhiệm với vợ, con và vợ chồng đã mâu thuẫn từ thời

điểm sinh con lớn. Tuy nhiên do con còn nhỏ và muốn cho ông T1 cơ hội nên bà lựa chọn tha thứ, cho đến khi bà mang thai con thứ hai ông T1 tiếp tục có mối quan hệ tình cảm khác, thường xuyên đi chơi và về nhà trong tình trạng say xỉn. Khi phát hiện những việc làm của ông T1, bà đã trao đổi thẳng thắng nhưng ông T1 không xin lỗi hoặc sửa sai, sau đó bà mới đưa con về nhà mẹ ruột sống.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Hoàng T1.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Hoàng T1 trình bày: Ông với bà T có 02 người con chung là Đặng Hoàng Thiên Â, sinh ngày 20/9/2021 và Đặng Hoàng Thiên M, sinh ngày 21/10/2025. Theo yêu cầu của bà T, ông đồng ý ly hôn và giao con chung Thiên Minh cho bà T nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Đối với con chung Thiên Ân thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì bà T khởi kiện ly hôn với ông T1 và yêu cầu nuôi hai người con chung. Xét thấy ông T1 đồng ý ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, công nhận thuận tình ly hôn cho bà T và ông T1. Về con chung, ông T1 và bà T đều có yêu cầu nuôi cháu Thiên Â, tuy nhiên qua xem xét các con đang sống với bà T và dưới cháu Â còn người em mới được sinh khoảng bốn tháng tuổi, đây là giai đoạn gắn kết tình cảm của các con. Mặt khác, việc giao 02 con cho một bên cha hoặc mẹ nuôi dưỡng, thì người con lại có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nên đề nghị giao cả hai con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp quy định. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà T và ông T1 phải chịu án phí ly hôn, đồng thời ông T1 còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần khởi K yêu cầu giải quyết về hôn nhân, bị đơn cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ nên quan hệ tranh chấp và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được tống đạt hợp lệ và có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND

phường N, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 05/5/2021 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà T và ông T1 không còn sống chung với nhau, không còn cùng nhau thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà T và ông T1 tự nguyện thuận tình ly hôn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T1.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có hai người con chung tên Đặng Hoàng Thiên Â, sinh ngày 20/9/2021 và Đặng Hoàng Thiên M, sinh ngày 21/10/2025 và ông bà đều yêu cầu được nuôi con chung Thiên Ân. Theo ông T1 cho rằng nếu cháu Thiên Â sống chung với ông sẽ tốt hơn, do công việc của ông có thể làm tại nhà và ông đang sống chúng với cha mẹ nên việc chăm sóc con có ông bà hỗ trợ, đồng thời khi vợ chồng còn sống chung thì trước đây ông bà đã có thời gian chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Đối với bà T cho rằng hiện các con còn nhỏ, việc hai con sống chung với nhau sẽ gắn kết tình anh em và giai đoạn này bà đang nghỉ thai sản, đồng thời có kế hoạch sống ổn định chung với gia đình, có em gái cùng người thân hỗ trợ chăm sóc cho con, bà xin việc làm gần nhà nên có thời gian đưa đón Thiên Â đi học và trực tiếp chăm sóc cho hai con. Qua ý kiến các đương sự thì thấy cháu Thiên Â mới bốn tuổi năm tháng và cháu Thiên M mới sinh được khoảng năm tháng, hiện các cháu đang sống chung với bà T. Xét với độ tuổi của cháu Thiên Â là giai đoạn không chỉ hoàn thiện các kỹ năng vận động mà còn có những bước tiến đáng kể trong ngôn ngữ, nhận thức và tâm lý xã hội. Với cháu Thiên M là giai đoạn đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi trẻ bắt đầu làm chủ các kỹ năng vận động và giao tiếp. Như vậy nếu giao cho bà T và ông T1 mỗi người được nuôi một người con, các con còn quá nhỏ sẽ không có điều kiện gần gũi, giao tiếp với nhau. Và nếu giao hai con cho một bên nuôi dưỡng, thì người không trực tiếp nuôi con sẽ đồng hành cùng sự phát triển của các con bằng quyền, nghĩa vụ thăm mon con chung, điều này sẽ mang đến thuận lợi hơn, hoàn chỉnh hơn trong quá trình phát triển của các con. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bà T yêu cầu nuôi hai con chung là để đảm bảo sự phát triển và gắn kết cho các con, nên chấp nhận và ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Ông T1 đồng ý cấp dưỡng cho các con chung mỗi người là 3.000.000 đồng trong trường hợp giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ý kiến của ông T1 phù hợp quy định pháp luật và yêu cầu của bà T về mức cấp dưỡng, do đó hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 đều không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Đối với ông T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Nhất T và ông Đặng Hoàng T1.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Nhất T được nuôi dưỡng hai con chung là Đặng Hoàng Thiên Â, sinh ngày 20/9/2021 (nam) và Đặng Hoàng Thiên M, sinh ngày 21/10/2025 (nam) đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đặng Hoàng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ông Đặng Hoàng T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Thiên Â và Thiên M đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/người/tháng và cấp dưỡng từ ngày 11/3/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Nhất T, ông Đặng Hoàng T1 mỗi người phải án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng và ông Đặng Hoàng T1 còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Trần Nhất T đã nộp xong án phí và được hoàn lại 225.000 theo biên lai thu số 0002152 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai